

## LEARNING OUTCOMES OF PRIMARY SCHOOL CHILDREN OF FAMILIES OF MIGRANT WORKERS TO INDUSTRIAL ZONES AND SOME EXTERNAL INFLUENCING FACTORS – A QUALITATIVE RESEARCH RESULT

Le Anh Vinh<sup>1</sup>, Do Duc Lan<sup>1</sup>, Pham Thi Hong Tham<sup>1\*</sup>

Nguyen Van Chien<sup>1</sup>, Nguyen Le Thach<sup>1</sup>, Luong Minh Phuong<sup>2</sup>

<sup>1</sup>The Vietnam Institute of Educational Sciences, <sup>2</sup>Viet Nhat University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	24/9/2024	Vietnam is seeing more and more industrial parks and export processing zones opening up, bringing many workers with their families and children to live and work. This study was conducted to clarify the current status of learning outcomes and some factors affecting students who migrate with their parents to industrial zones. Using qualitative research methods (in-depth interviews, group discussions, seminars...), this study hopes to find out the difficulties that students in the target group of workers' children are facing. The results show that children need to make more efforts than non-migrant children; Participate less in classroom learning activities and extracurricular activities... This is affected by many factors such as cultural, linguistic, and ethnic characteristics; support from family or from state policy. Therefore, the measures proposed by the research team include solutions from managers and especially from families. The research results can open up a number of new research directions such as children's learning ability, equity in social access to education...
Revised:	21/10/2024	
Published:	21/10/2024	

### KEYWORDS

Immigrant students  
Elementary school students  
Students in industrial zones  
Learning outcomes  
Influencing factors

## KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA TRẺ TIỂU HỌC THUỘC GIA ĐÌNH CÔNG NHÂN DI CƯ TỚI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG BÊN NGOÀI – MỘT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH

Lê Anh Vinh<sup>1</sup>, Đỗ Đức Lân<sup>1</sup>, Phạm Thị Hồng Tham<sup>1\*</sup>

Nguyễn Văn Chiến<sup>1</sup>, Nguyễn Lê Thạch<sup>1</sup>, Lương Minh Phương<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, <sup>2</sup>Trường Đại học Việt Nhật

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	24/9/2024	Việt Nam đang ngày có nhiều các khu công nghiệp, khu chế xuất được mở ra kéo theo rất nhiều công nhân dẫn theo gia đình, con cái tới sinh sống và làm việc. Nghiên cứu này thực hiện nhằm làm rõ thực trạng kết quả học tập và một số yếu tố ảnh hưởng tới học sinh thuộc nhóm đối tượng di cư theo cha mẹ tới các khu công nghiệp. Với phương pháp nghiên cứu định tính (phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, tọa đàm...), nghiên cứu này mong muốn tìm ra những khó khăn mà học sinh thuộc nhóm đối tượng là con em công nhân đang gặp phải. Kết quả cho thấy, các em cần có sự cố gắng nhiều hơn so với nhóm trẻ không phải di cư; ít tham gia các hoạt động học tập trên lớp và các hoạt động ngoại khóa... Điều này bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như đặc điểm về văn hóa, ngôn ngữ, dân tộc; sự hỗ trợ từ phía gia đình hoặc từ chính sách của nhà nước. Chính vì vậy, các biện pháp mà nhóm nghiên cứu đề xuất bao gồm các hướng giải quyết từ các nhà quản lý và đặc biệt là từ phía gia đình. Kết quả nghiên cứu có thể mở ra một số hướng nghiên cứu mới như năng lực học tập của trẻ em, công bằng trong tiếp cận xã hội giáo dục...
Ngày hoàn thiện:	21/10/2024	
Ngày đăng:	21/10/2024	

### TỪ KHÓA

Học sinh nhập cư  
Học sinh tiểu học  
Học sinh trong các khu công nghiệp  
Kết quả học tập  
Yếu tố ảnh hưởng

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.11178>

\* Corresponding author. Email: thamph@vnies.edu.vn

## 1. Mở đầu

Nhóm trẻ yếu thế hiện nay đang nhận được sự quan tâm của toàn xã hội, trong đó trẻ di cư theo cha mẹ đến các khu công nghiệp lao động và sinh sống là một trong những nhóm đối tượng như vậy. Trong giai đoạn Việt Nam (VN) đang trong quá trình công nghiệp hóa, các khu công nghiệp đang phát triển mạnh mẽ trên toàn quốc thì hiện tượng biến động di cư của người dân được dự báo là sẽ tăng cao [1]. Báo cáo của Unicef (2018) cho thấy “Trẻ em thuộc các gia đình di cư có tỷ lệ đi học tiểu học thấp hơn trẻ em trong các gia đình không di cư”, “Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường của trẻ em di cư cao hơn trẻ em không di cư, tương ứng là 3,8% và 2,5%”. Cũng theo báo cáo này cho thấy “Nhóm trẻ em di cư luôn có tỷ lệ không đến trường cao hơn so với nhóm không di cư và sự khác biệt cũng tăng khi độ tuổi tăng. Ở các gia đình di cư, tỷ lệ trẻ em không đi học cao hơn ở các gia đình không di cư 1,2 lần ở độ tuổi 5 tuổi, cao hơn 1,6 lần ở độ tuổi tiểu học và 1,7 lần ở độ tuổi trung học cơ sở (THCS)” [1]. Một số nghiên cứu cho thấy, trẻ di cư thường có trình độ, khả năng nhận thức chậm, không được củng cố thường xuyên và vì thế việc tiếp thu kiến thức mới gặp nhiều khó khăn [2]-[4]. Có sự khác biệt giữa nhóm trẻ em di cư và không di cư, nhóm trẻ em di cư luôn có kết quả kém hơn so với nhóm không di cư và sự khác biệt cũng tăng khi độ tuổi tăng [1]. Sự tham gia của các em trong hoạt động học tập cũng không hoàn toàn tốt như trẻ người địa phương vì một số nguyên nhân khách quan và chủ quan [3] “trẻ em nhập cư ở hai độ tuổi tiểu học này thiệt thòi hơn nhiều so với trẻ em có hộ khẩu”. Trẻ nhập cư không được đến trường có tỉ lệ cao gấp đôi so với trẻ có hộ khẩu tại địa phương [5]. Các yếu tố tác động được cho là có ảnh hưởng lớn đến trẻ như yếu tố di cư [6], [7]. Yếu tố về chính sách [8]-[14], [5], trong đó việc thiếu trường lớp, chính sách hỗ trợ cho trẻ di cư là những vấn đề nổi cộm mà các nghiên cứu này chỉ ra. Nhân tố văn hóa cũng là một trở ngại cho sự tiếp nhận giáo dục của trẻ em, đặc biệt là trẻ vùng dân tộc thiểu số [2], [7], [15]. Điều kiện kinh tế xã hội cũng là yếu tố tác động lớn tới kết quả học tập của trẻ. Khi nguồn giáo dục chất lượng cao thường tập trung vào các thành phố lớn thì tại các khu công nghiệp, các trường học chất lượng cao chưa thực sự được đầu tư, thậm chí còn xuất hiện hiện tượng thiếu trường lớp, giáo viên (GV)... vượt qua tất cả các yếu tố trên, sự hỗ trợ từ gia đình lại có sức ảnh hưởng lớn tới kết quả học tập của trẻ di cư [10], [11], [16], [13], [5]. Ngoài ra, bản thân đứa trẻ cũng là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới kết quả học tập của trẻ [17].

Như vậy, kết quả học tập của trẻ di cư theo cha mẹ vẫn còn một số vấn đề cần giải quyết. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của trẻ. Tại các khu công nghiệp VN hiện nay, dưới sự gia tăng không ngừng của lượng HS nhập cư thì vấn đề giáo dục trẻ là vấn đề cần phải được giải quyết nhanh chóng, trong đó tìm ra các yếu tố ảnh hưởng để có những phương án giải quyết là điều cần thiết.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện phỏng vấn sâu, tọa đàm với các đối tượng như sau:

- Tọa đàm: 33 giáo viên, 110 cha mẹ học sinh (bao gồm cha mẹ HS là công nhân di cư và cha mẹ HS là người bản địa);

- Phỏng vấn sâu: 11 cán bộ quản lý nhà trường, 110 HS (bao gồm HS là con em công nhân di cư và HS người bản địa).

Nội dung tọa đàm và phỏng vấn sâu nhằm làm rõ nhiều vấn đề như tiếp cận công bằng trong giáo dục của trẻ di cư, điều kiện học tập, kết quả học tập, sự quan tâm của cha mẹ, GV, nhà trường và cộng đồng... Tuy nhiên, trong bài viết này, nhóm nghiên cứu làm rõ kết quả học tập của trẻ và một số yếu tố ảnh hưởng bên ngoài tới kết quả học tập của trẻ là con em công nhân các khu công nghiệp, khu chế xuất thông qua nghiên cứu định tính. Địa bàn khảo sát thuộc các khu công nghiệp, khu chế xuất của 2 tỉnh Bắc Ninh và Thái Nguyên.

Thời gian thực hiện khảo sát vào tháng 10 năm 2023 và kết quả thu được được xử lý bằng phần mềm SPSS23.

### 3. Kết quả và bàn luận

#### 3.1. Kết quả học tập của học sinh tiểu học có cha mẹ là công nhân di cư tại các khu công nghiệp/khu chế xuất thông qua kết quả khảo sát của nghiên cứu

##### 3.1.1. Trẻ di cư cần có sự cố gắng nhiều hơn

Đánh giá từ GV và cán bộ quản lý cho thấy, khi mới chuyển tới, trẻ thường có kết quả học tập thấp hơn. Tuy vậy, sau một thời gian hòa nhập và làm quen bạn bè, thầy cô, trường lớp thì thành tích của trẻ dần dần được khôi phục. Mặc dù vậy, trẻ vẫn xuất hiện hiện tượng “học đuối” tức là trẻ phải có sự nỗ lực rất nhiều mới có thể hoàn thành nhiệm vụ học tập. Theo đánh giá của đa số GV, để đạt được thành tích cao, trẻ cần có tinh thần thoải mái và sự cố gắng nhất định. Trong một số ít trường hợp, trẻ di cư không những theo kịp các bạn trong lớp học mà còn lọt vào nhóm lớp chọn của trường. Ngược lại, những HS không có đủ nỗ lực thì sẽ bị “đuối” hơn hẳn và hầu như không theo kịp tốc độ học của các bạn trong lớp, tỉ lệ này chiếm đa số trong những đánh giá của GV.

Đánh giá từ phía cha mẹ HS cho thấy, cha mẹ HS là công nhân di cư có cái nhìn tương đối tích cực về kết quả học tập của con em mình. Đánh giá của họ về kết quả học tập của con cái họ đều ở mức khá trở lên. Họ thể hiện thái độ hài lòng với kết quả học tập của con cái và phương pháp giáo dục của nhà trường. Cha mẹ HS là người bản địa lại có những yêu cầu cao hơn về thành tích học tập của con. Tìm hiểu nguyên nhân về sự khác nhau về đánh giá này, nhóm nghiên cứu phát hiện ra rằng cha mẹ HS là công nhân di cư không đặt quá nhiều kì vọng vào thành tích học tập đối với con cái họ. Nhiều cha mẹ HS cho rằng “con không ở lại lớp là được” (PH trường Đông Phong), thậm chí một số cha mẹ HS còn cho rằng “kiến thức trên lớp không đánh giá được đứa trẻ, sau này trẻ cần nhiều hơn đến các kĩ năng xã hội (PH trường Đông Phong). Trong khi đó, các bậc cha mẹ là người bản địa thường mong muốn con đạt các thành tích cao hơn và tham gia nhiều hơn trong các cuộc thi như Olympic, Trạng nguyên...

##### 3.1.2. Sự tham gia của trẻ trong lớp học thường không thường xuyên và ít chủ động hơn so với trẻ người bản địa

Sự tham gia trong lớp của trẻ được thể hiện ở việc trẻ chủ động phát biểu ý kiến trả lời câu hỏi của GV trong lớp học, hòa đồng cùng các bạn, giúp đỡ các bạn khác học tập... kết quả thu được thông qua tọa đàm và phỏng vấn như sau:

Theo chia sẻ của các GV trong các buổi phỏng vấn sâu, tọa đàm. Đối với trẻ nhập cư, vấn đề hòa nhập trong lớp học cũng gặp không ít các khó khăn. Thời gian đầu mới nhập học, nhóm trẻ này thường nhút nhát hơn so với các bạn khác, không dám phát biểu, hoặc nếu có trả lời hay phát biểu thì còn e ngại và nói nhỏ, thậm chí có trẻ còn khóc vì sợ hãi (TH Phương Liễu, Hồng Tiến, Đồng Tiến...). Một số trẻ hầu như không chủ động tham gia các hoạt động học tập trên lớp, thậm chí có những trẻ từ chối tham gia. Những trẻ này hầu như không giao lưu với các bạn khác.

Kết quả quan sát lớp học, phỏng vấn, tọa đàm từ hai nhóm trẻ di cư và trẻ bản địa, nhóm nghiên cứu cũng phát hiện thấy những sự khác biệt nhất định đối với hai nhóm trẻ này. Trẻ người bản địa thường nói to, rõ ràng hơn, giọng nói cũng tự nhiên hơn, ánh mắt thể hiện sự nhanh nhẹn, vui tươi trong khi nhóm trẻ di cư thường nói chuyện nhỏ nhẹ hơn, giọng nói có sự e dè hơn. Thông qua nội dung phỏng vấn 2 nhóm trẻ này, nhóm nghiên cứu cũng phát hiện ra rằng trẻ di cư thường bị động hơn, nhiều em chờ đợi GV gọi mới trả lời câu hỏi.

Nguyên nhân của hiện tượng này được nhóm GV xác định như sau:

*Thứ nhất:* khi trẻ mới tới môi trường mới, các em thường xuất hiện tâm lý lo sợ, e dè. Trẻ thường thu mình lại để quan sát hành vi của các bạn và GV. Khi cảm thấy đủ an toàn trẻ mới bắt đầu hòa nhập với các bạn

*Thứ hai:* Do tâm lý “không phải là nơi thuộc về”, điều này có nghĩa là trẻ luôn tồn tại suy nghĩ “mình là người nơi khác đến”, “cần phải nhường nhịn người khác”... khiến trẻ ít dám chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

*Thứ ba:* Tâm lý sợ sai, hiện tượng này phổ biến trong hầu hết học sinh. Trẻ lo sợ rằng khi trả lời sai sẽ bị bạn bè trêu chọc, GV trách mắng... Điều này khiến HS mất dần sự tự tin khi trả lời câu hỏi của GV và các bạn khác.

Minh chứng bổ sung thêm cho ý kiến này là kết quả khảo sát bằng phiếu hỏi đối với GV khi có 12,77% tỉ lệ HS di cư không hoặc ít tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp trong khi ở trẻ người bản địa là 9%.

### 3.1.3. Ít tham gia hoạt động học tập trải nghiệm

Hoạt động ngoại khóa trong trường được hiểu là những hoạt động nằm trong chương trình học tập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những hoạt động do nhà trường tổ chức cho HS nhằm phát triển năng lực người học. Theo chương trình giáo dục hiện nay, mỗi năm học nhà trường sẽ dành số tiết học nhất định để HS tham gia học tập trải nghiệm. Xét về điều kiện tổ chức, mặc dù đây là hoạt động bắt buộc nằm trong CT giáo dục, tuy nhiên nó lại cần có sự hợp tác của gia đình cha mẹ học sinh (CMHS) như: kinh phí, thời gian, sự ủng hộ về tinh thần... Do vậy, mặc dù là hoạt động thuộc về chương trình giáo dục nhưng hoạt động này tổ chức được hay không ít nhiều lại phụ thuộc vào yếu tố gia đình người học.

Đối với trẻ là con em công nhân di cư, điều kiện tham gia của các em có phần khó khăn hơn so với trẻ em người địa phương như: điều kiện kinh tế hạn chế; yếu tố thời gian, nhận thức của cha mẹ... Ngoài ra, vấn đề thu nhập cũng là một vấn đề khó khăn của những PH này. Với mức lương công nhân trong điều kiện thuê trọ, họ chỉ có thể chi trả các khoản phí bắt buộc “với các chi phí không bắt buộc chúng tôi cần xem xét thêm” (tọa đàm cha mẹ HS).

## 3.2. Các yếu tố tác động tới kết quả học tập của trẻ thuộc gia đình di cư làm việc ở các khu công nghiệp, khu chế xuất

### 3.2.1. Chính sách của nhà nước

Liên quan đến vấn đề giáo dục của trẻ thuộc nhóm đối tượng di cư theo cha mẹ tới các khu công nghiệp, khu chế xuất, một số văn bản, nghị định cũng được ban hành như: Công điện số 126/CE-TTg ngày 10/3/2023 về việc tập trung kiểm tra, rà soát và đầu tư xây dựng trường học, cơ sở y tế tại các khu đô thị, khu nhà ở, khu dân cư, khu công nghiệp và nhà vệ sinh công cộng tại trường học, đô thị; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị.

Ngoài ra còn có các chương trình, dự án của các tỉnh, thành phố như: TP.Hồ Chí Minh, năm 2018, UBND thành phố đã ban hành Quyết định 1394/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh các lớp đầu cấp từ năm học 2018-2019. Một trong những điểm quan trọng của Quyết định này là tất cả HS đều được đăng ký tuyển sinh ở đầu cấp học trên không phân biệt hộ khẩu hay không có hộ khẩu, HS thuộc diện tạm trú KT2, KT3, KT4 vẫn được dự tuyển sinh đầu cấp vào các cơ sở giáo dục ở địa phương; Sáng kiến Thành phố thân thiện với Trẻ em (CFCI) là một phong trào toàn cầu của UNICEF.

Mặc dù vậy, dựa trên các kết quả nghiên cứu của một số nhà nghiên cứu về vấn đề này vẫn còn tồn tại một số vấn đề như: “việc nhập học khá khó khăn và không chắc chắn do trường công lập bắt đầu quá tải và quy định về tuyển sinh đầu cấp (lớp 1 và lớp 6) bất lợi cho trẻ em di cư” [3]; “trong nhiều nhóm dịch vụ thì do đặc điểm về độ tuổi và tình trạng nhân khẩu nên nhà trẻ, trường học cho con người lao động tại các khu công nghiệp là vấn đề cần được quan tâm giải quyết trong hệ thống dịch vụ xã hội cho người lao động làm việc ở khu vực này” [7].

Kết quả phỏng vấn sâu của nhóm nghiên cứu cho thấy, mặc dù chính sách của nhà nước là tạo điều kiện công bằng cho tất cả trẻ em nhưng trên thực tế vẫn xuất hiện hiện tượng “trẻ bị từ chối

nhập học” vì một số nguyên nhân như quá tải HS (Trường TH Phương Liễu). Hoặc điều kiện tiếp cận các cơ hội giáo dục cũng không đầy đủ như trẻ người bản địa. Ví dụ một số điều kiện ràng buộc về Quy định về học bổng dành cho trẻ tiểu học ở khu công nghiệp; Các hỗ trợ vật chất khác thường ưu tiên cho trẻ người bản địa...

Kết quả này cho thấy, trẻ di cư vẫn là nhóm trẻ cần được quan tâm và đầu tư nhiều hơn từ góc độ chính sách và triển khai thực tế.

### 3.2.2. Đặc trưng dân tộc, văn hóa, ngôn ngữ

Con người luôn mang theo những đặc trưng về dân tộc, văn hóa, ngôn ngữ bản địa tới bất kỳ nơi nào họ tới. Trẻ em cũng vậy, khi chuyển tới trường học mới, trẻ vẫn mang theo các đặc trưng này. Trong số nhóm trẻ di cư được khảo sát, có 13,6% HS là người dân tộc thiểu số bao gồm các dân tộc như Tày, Mường, Nùng, Thái, Mông, Dao, Sán Diu... mỗi dân tộc có những đặc trưng dân tộc, văn hóa và ngôn ngữ khác nhau. Vậy những đặc trưng này ảnh hưởng như thế nào tới kết quả học tập của trẻ?

Thông qua tọa đàm và phỏng vấn sâu từ GV, phụ huynh và bản thân HS, nhóm nghiên cứu phát hiện một số kết quả như sau:

*Thứ nhất:* khả năng hòa nhập: Nhìn chung, sự hòa nhập của trẻ ngoài việc bị ảnh hưởng bởi đặc trưng văn hóa, kinh tế xã hội tại địa phương thì còn bị phụ thuộc vào đặc trưng tính cách của trẻ. Nhiều trẻ nhút nhát do bản tính và khó hòa nhập cùng các bạn mới, môi trường mới. Mặc dù GV và các bạn khác đã có sự giúp đỡ rất nhiều thì những bạn này vẫn muốn thu mình lại và chơi một mình.

*Thứ hai:* năng lực học tập. Đây cũng là vấn đề khiến nhiều GV cảm thấy khó khăn. Trong khi các bạn HS bản địa học tập theo chương trình của nhà trường từ khi mới bắt đầu thì với HS di cư, việc học bị ngắt quãng khiến các em gặp khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức. Ngoài ra, sách giáo khoa không đồng nhất trên cả nước cũng là một thách thức vô cùng lớn đối với cả GV và HS. Việc dạy lại kiến thức và học lại kiến thức khiến GV, HS, phụ huynh HS đều cần có sự phối hợp chặt chẽ và sự nỗ lực của cả ba bên.

*Thứ ba:* ngôn ngữ và khẩu âm. Đây cũng là một thách thức rất lớn đối với GV. Trong một vài trường hợp, sự bất đồng ngôn ngữ khiến đôi bên không thể hiểu nhau. Điều này đồng nghĩa với việc GV và HS khó giao lưu, trao đổi. Nói cách khác GV không thể dạy và HS không thể học. Điều này cần một khoảng thời gian đủ dài để 2 bên có thể có được một ngôn ngữ chung, hiểu nhau và giải quyết được vấn đề dạy và học.

*Thứ tư:* văn hóa. Đặc trưng văn hóa vùng miền, văn hóa dân tộc, văn hóa cá thể... đã đem đến một vài sự bất đồng trong môi trường học tập. Sự đa dạng trong sắc màu văn hóa đã đem lại sự phong phú cho môi trường trường học, tuy nhiên cũng đem lại những phiền phức nhất định.

Như vậy có thể thấy, các đặc điểm về dân tộc, văn hóa, ngôn ngữ... có những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả học tập của người học. Khắc phục được điều này chúng ta cần có sự nỗ lực từ nhiều phía trong đó bản thân HS, GV cần có sự kết nối, hỗ trợ nhiều hơn để nâng cao kết quả học tập người học.

### 3.2.3. Hỗ trợ từ phía gia đình

Có sự khác nhau nhất định về sự hỗ trợ con cái trong học tập giữa các gia đình công nhân di cư. Kết quả khảo sát cho thấy, đa phần các bậc PH đều nhận thức rất rõ ràng việc hỗ trợ con học tập là điều cần thiết, tốt cho con và giúp con hoàn thiện hơn nhân cách bản thân. Kết quả khảo sát nhóm phụ huynh di cư và đối chiếu với kết quả khảo sát của chính con cái họ cho thấy rằng “em mong muốn bố mẹ quan tâm em nhiều hơn”. Một số phát hiện sau khi tổng hợp kết quả qua những lần tọa đàm, phỏng vấn sâu như sau:

*Giúp con hoàn thành bài tập về nhà:* ở những gia đình công nhân di cư, có một tỉ lệ không cao cha mẹ giúp con hoàn thành bài tập về nhà. Hình thức giúp đỡ phần lớn là nhắc nhở con làm bài, ngồi cạnh con khi con làm bài. Việc giảng để con hiểu thêm hầu như không được thực hiện vì PH cho rằng họ không đủ kiến thức để dạy con theo chương trình mới.

*Liên hệ với GV.* Liên hệ với GV thường xuyên để nắm bắt tình hình của con cũng là một trong những hình thức quan tâm đến con cái. Có tỉ lệ tương đối cao PH dùng biện pháp này.

*Tạo không gian học tập cho con.* Trẻ là con em công nhân di cư hầu như không có không gian học tập yên tĩnh riêng biệt. Các em thường phải ngồi học trong phòng sinh hoạt chung của gia đình.

*Quan tâm đến đời sống tinh thần của con.* Đối với trẻ di cư, vấn đề về đời sống tinh thần cần có sự quan tâm nhiều hơn cả. Các hiện tượng bắt nạt học đường đa phần đều hướng về nhóm trẻ yếu thế, những trẻ thiếu kỹ năng... Một tín hiệu đáng mừng là đa số các bậc PH là công nhân di cư này tương đối quan tâm đến con cái bằng các hình thức khác nhau, rèn cho con các kỹ năng sống cơ bản như: kỹ năng tự phục vụ bản thân, kỹ năng thoát hiểm,... Chính vì vậy, trẻ thuộc nhóm di cư thường có đời sống tinh thần phong phú, có kỹ năng tốt hơn trẻ người bản địa.

*Về sự đầu tư cho giáo dục và học tập.* Xét từ khía cạnh này, nhóm trẻ di cư chịu thiệt thòi hơn so với trẻ người bản địa. Kết quả khảo sát về vấn đề này cho thấy, nhóm trẻ di cư theo cha mẹ ít được đầu tư về trang thiết bị học tập hơn. Ngoài ra, các em ít được cha mẹ đầu tư cho các khoản học ngoài nhà trường.

### **3.3. Bàn luận một số giải pháp**

#### **3.3.1. Giải pháp từ chính sách**

Chính sách chính là nền tảng quan trọng để tạo nên những thành tựu khác nhau. Đối với trẻ di cư, các chính sách tạo điều kiện thuận lợi nhất vẫn cần được ưu tiên như vấn đề tuyển sinh, vấn đề quá tải HS, thiếu trường lớp, thiếu GV... giải quyết được các vấn đề về chính sách này góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ tiếp cận tốt hơn với các cơ hội giáo dục.

Trước thực tế trẻ gặp những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và đặc trưng dân tộc..., mặc dù trong những năm gần đây việc dạy ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ em dân tộc ít người được triển khai rộng rãi trên toàn quốc, phần nào cải thiện sự hòa nhập vào khối chung của văn hóa VN, tuy nhiên vẫn có những hạn chế nhất định như trẻ trước khi vào lớp 1 chỉ được tiếp cận với tiếng Việt trong thời gian rất ngắn và nhận biết trong phạm vi ít ỏi. Đối với những trẻ di cư từ lớp 1, 2 thì vấn đề ngôn ngữ là một rào cản lớn đối với cô và trò. Việc phổ cập tiếng Việt sớm hơn cho trẻ em dân tộc ít người không những tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu của trẻ mà còn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số.

#### **3.3.2. Giải pháp đối với gia đình**

Gia đình là một xã hội thu nhỏ, ở đó bố mẹ là những người dẫn đường chỉ lối, giáo dục trẻ trở thành người đáp ứng các mục tiêu xã hội và gia đình. Sau này trẻ thành công hay không phần lớn phụ thuộc vào giáo dục trong gia đình. Trước tình trạng trẻ di cư đang chịu nhiều thiệt thòi từ các yếu tố về thời gian, các điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội, ngôn ngữ, khẩu âm... thì sự hỗ trợ của gia đình là điều vô cùng cần thiết. Một số giải pháp nhóm nghiên cứu đề xuất cho CMHS di cư như sau: 1/Chủ động tìm kiếm và tiếp cận thông tin về các hoạt động học tập, vui chơi giải trí... và các hoạt động xã hội khác giúp trẻ hòa nhập nhanh chóng vào môi trường mới; 2/Chủ động phối hợp với các đoàn thể địa phương trong việc tổ chức các hoạt động cho trẻ địa phương và các gia đình công nhân di cư; 3/Tích cực trao đổi và phối hợp với GV để sắp xếp thời gian tham gia các hoạt động quan trọng ở lớp để bố trí thời gian cho phù hợp; 4/Ngoài giờ làm việc, bố mẹ cần dành thời gian để cùng con học tập và tham gia các hoạt động xã hội khác.

Trong quá trình giáo dục trẻ, gia đình là cái nôi quan trọng. Để trẻ dễ dàng hòa nhập được với xã hội cha mẹ cần rèn cho trẻ những kỹ năng. Tục ngữ có câu “nhập gia tùy tục”, trẻ di cư khi đến môi trường mới cần có những kiến thức cơ bản về văn hóa, giáo dục... của địa phương, điều này khiến trẻ dễ dàng hòa nhập hơn với môi trường xung quanh. Cha mẹ cần cung cấp những thông tin này cho trẻ đồng thời chỉ cho trẻ thấy những khó khăn trước mắt khi bắt đầu ở môi trường mới, giúp trẻ khắc phục những khó khăn đó. Ngoài ra, cha mẹ cũng cần cung cấp cho trẻ những kỹ năng giao tiếp cơ bản giúp trẻ sớm hòa nhập với môi trường học tập mới.

#### 4. Kết luận

Nghiên cứu về kết quả học tập và các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả học tập của trẻ di cư là vấn đề tuy không mới nhưng lại là cần thiết. Kết quả nghiên cứu cho thấy trẻ di cư chịu nhiều thiệt thòi hơn so với trẻ bản địa. Trẻ di cư cần có sự cố gắng rất nhiều thì mới có thể theo kịp và hòa nhập vào môi trường học tập mới. Do các điều kiện hạn chế về thời gian, kinh tế... trẻ di cư thường ít tham gia các hoạt động học tập trải nghiệm hơn trẻ bản địa và điều kiện học tập của các em cũng kém hơn so với trẻ người bản địa. Mặc dù hiện nay, nhà nước đang quan tâm nhiều đến đối tượng trẻ di cư nhưng các vấn đề như thủ tục, rào cản ngôn ngữ, văn hóa... vẫn rất lớn. Để giải quyết vấn đề này, chúng ta cần có sự nỗ lực hơn từ các cấp quản lý và quan trọng hơn là cha mẹ HS cần hỗ trợ các em nhiều hơn trong quá trình hòa nhập của các em.

#### Lời cảm ơn

Bài viết là sản phẩm nghiên cứu thuộc dự án “*Học tập và kỹ năng cho trẻ em*”. Cảm ơn tới tổ chức UNICEF đã tài trợ cho nghiên cứu này; Cảm ơn Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam đã tổ chức triển khai; Cảm ơn các trường tiểu học thuộc hai tỉnh Bắc Ninh và Thái Nguyên đã phối hợp để nhóm nghiên cứu hoàn thành dự án này.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Unicef, “Report on Out-of-School Children: Vietnam's research 2016. The study was chaired and implemented by the Ministry of Education and Training within the framework of the "Global Initiative on Out-of-School Children" by the United Nations Children's Fund (UNICEF) and Institute of Statistics of the United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization (UNESCO), 2018. [Online]. Available: <https://www.unicef.org/vietnam/vi/reports/b%20o-c%20o-tr%20em%20ngo-nh%20nh%20tr%20C6%B0%20E1%20BB%20Dng-2016v>. [Accessed July 20, 2024].
- [2] T. A. H. Trinh and X. A. Nguyen, “Enhancing access to quality education for poor children and child laborers,” *Vietnam Journal of Science and Education*, vol. 112, pp. 23-27, 2015.
- [3] H. H. Nguyen, “Current status of children's access to education and health services in migrant families working in industrial parks in Hanoi,” *Proceedings of the International Scientific Conference on Social Security Policies for Labor Migration dynamics in Vietnam in 2023*, Hanoi, 2023.
- [4] J. Q. Xiang, “Education of Children of Migrant Workers: Policy Choice and System Guarantee,” (In Chinese), *Journal of Central China Normal University*, no. 5, pp. 72-91, 2005.
- [5] Unicef and Ho Chi Minh City People's Committee, “Analysis of the situation of children in Ho Chi Minh City,” 2017. [Online]. Available: <https://www.unicef.org/vietnam/media/1526/file/ph%20n%20t%20ADch%20t%20C3%ACnh%20h%20C3%ACnh%20tr%20E1%20BA%20em%20Th%20C3%A0nh%20ph%20E1%20BB%91%20H%20E1%20BB%93%20Ch%20C3%AD%20Minh%20.pdf>. [Accessed July 20, 2024].
- [6] M. T. Doan, “Access to education and health care - medical care of workers migrating to urban areas and industrial zones: Current situation and raised issues,” *Vietnam Women's Academy Magazine*, vol. 4, no. 8, pp. 16-25, 2019.
- [7] T. M. C. Nguyen, “Access to basic social services in education for immigrant children in Ho Chi Minh City: Case study of worker families in Ward 14, Go Vap District,” *Social Science Magazine*, vol. 8, no. 216, pp. 19-28, 2016.
- [8] G. Szymanska-Matusiewicz, “Migration and cultural flows between Vietnam and Poland,” *Asian and Pacific Migration Journal*, vol. 25, no. 3, pp. 275-295, 2016.
- [9] T. M. T. Vu, “Ho Chi Minh's perspective on building a learning society to realize social justice in the field of education,” *Journal of Educational Sciences*, vol. 130, pp. 67-69, 2016.
- [10] 21st Century Education Research Institute, *Report on educational development for migrant children in China (2021-2022) compiled by the 21st Century Education Research Institute and published by the 21st Century Education Research Institute*. Literary Publishing House Chinese Social Sciences, (In China), 2022.
- [11] Chinese Ministry of Education, *Analysis Report on Compulsory Education of Children of Migrant Workers and Children Not Living with Their Parents*, (In China), 2022.
- [12] C. R. Duan, L. D. Lu, Z. P. Wang, and J. Guo, “Survival and Development of Migrant Children in my country: Problems and Countermeasures - Analysis based on the Sixth National Census Data in 2010,” (In Chinese), *Southern Population*, vol. 4, no. 2010, pp. 44-45, 2013.

- 
- [13] Chinese Ministry of Education, *Brief overview of education development statistics in China*, 2005.
- [14] Unicef and People's Committee of Da Nang city, "Summary report Analyzing the situation of children and adolescents in Da Nang city," 2020. [Online]. Available: [https://hcadanang.com/wp-content/uploads/2021/07/Tom-tat-Sitan-Da-Nang-TV\\_compressed.pdf](https://hcadanang.com/wp-content/uploads/2021/07/Tom-tat-Sitan-Da-Nang-TV_compressed.pdf). [Accessed July 20, 2024].
- [15] V. Q. A. Nguyen and T. T. T. Truong, "Page of children's access to education in Bat Xat district, Lao Cai province," *Journal of Family and Gender Studies*, vol. 5, no. 28, pp. 81-90, 2018.
- [16] G. F. Duan, "Main problems and countermeasures faced by the education of migrant children," (in China), *Shanghai University of Engineering and Technology*, vol. 08, 2018, doi: 10.16653/j.cnki.32-1034/f.2018.08.036.
- [17] T. Q. Le, X. H. Nguyen, and T. T. Dang, "Population changes in Thai Nguyen province under the geographic information system approach," *Vietnam Social Sciences Magazine*, vol. 12, pp. 81-90, 2020.